

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2022
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Trọn

Bà Huỳnh Thị Phương Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Như T, sinh năm: 1994. “Vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm: 1991 “Vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: số 3/182A, khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và qua bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị Như T trình bày: Chị cùng chồng là anh Nguyễn Hữu T1 chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện TB, tỉnh Đồng Nai vào ngày 01-11-2019. Sau khi đến với nhau, vợ sống chung với cha mẹ chồng tại khu phố B, thị trấn G. Đến tháng 5-2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị đến phường A, thị xã TB thuê nhà để sống cho đến nay.

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 05-4-2019 hiện đang chung sống với chồng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tình cảm nên thường xuyên gây gổ, về quan hệ vợ chồng cũng như các mối quan hệ xã hội. Vợ chồng đã nhiều lần bạc bạc để giải quyết

mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn được vì không có sự đồng cảm và không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 5-2020 vợ chồng ly thân cho đến nay. Hiện cả hai đều mong muốn ly hôn. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chồng chị là anh Nguyễn Hữu T1.

Về con chung: Chị đồng ý giao con cho chồng chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị chấp nhận cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ghi ngày 12-11-2021, bị đơn anh Nguyễn Hữu T1 trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về việc vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn, có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 05-4-2019 hiện đang sống với anh. Về tài sản chung và nợ chung không có. Về mâu thuẫn theo anh do vợ anh ghen tuông nên vợ chồng xảy ra cự cãi, ngoài ra vợ chồng còn không hợp tính tình nên cuộc sống gia đình không có hạnh phúc.

Nay anh chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của vợ anh. Về con chung anh yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu vợ anh phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện TB, tỉnh ĐN vào ngày 01-11-2019, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Anh chị không có sự tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm nên thường gây gỗ, cự cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị có cùng tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Từ tháng 5-2020, vợ chồng ly thân cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Khi chị yêu cầu ly hôn anh T1 đồng ý. Nhưng anh chị đều xin vắng mặt nên Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1 là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị thống nhất giao anh T1 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 05-4-2019, sự thỏa thuận giữa anh chị là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận anh T1 không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Hoàng Thị Như T đối với anh Nguyễn Hữu T1. Chị T được ly hôn với anh T1.

2/. Về con chung: Giao anh Nguyễn Hữu T1 được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 05-4-2019. Ghi nhận anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013030 ngày 15-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã S, huyện TB, tỉnh ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh